| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 6 - VĨNH LONG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Bản án số: 97/2025/HNGĐ-ST<br>Ngày 18-12-2025<br>V/v không công nhận quan hệ vợ chồng | |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - VĨNH LONG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Tuyền.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Hơn.

Ông Hà Công Tâm.

***- Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Mạnh Cường - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long.

Ngày 18 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở, Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 326/2025/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2025 về việc: "*Không công nhận quan hệ vợ chồng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 230/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Phạm Thị H**, sinh năm: 1973; Địa chỉ: 3 ấp L, xã V, tỉnh Vĩnh Long; có văn bản yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Hữu N**, sinh năm: 1974; địa chỉ: 3 ấp L, xã V, tỉnh Vĩnh Long; có văn bản yêu cầu giải quyết vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*- Trong đơn khởi kiện, văn bản trình bày ý kiến và yêu cầu giải quyết vắng mặt, nguyên đơn là bà Phạm Thị H (sau đây gọi tắt là bà H) trình bày:*

Bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Hữu N tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1994, có tổ chức lễ cưới theo truyền thống nhưng cho đến nay vẫn không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống thì vợ chồng thường xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm với nhau, dẫn đến cuộc sống không hạnh phúc. Mặc dù hiện tại còn sống chung một nhà nhưng mỗi người có cuộc sống riêng, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Do nhận thấy cuộc sống hôn nhân giữa bà và ông N không có hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không hàn gắn được nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà H yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận bà và ông Nguyễn Hữu Nghĩa L vợ chồng.

+ Về con chung: Bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Hữu N có một người con chung là Nguyễn Hoàng N1, sinh ngày: 30/12/1996, đã trưởng thành, có khả năng lao động để nuôi sống bản thân. Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết gì về con chung.

+ Về tài sản: Không có.

+ Về nợ: Không có.

Bà H yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải và yêu cầu cho bà được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án cho đến khi vụ án được giải quyết xong.

- *Trong văn bản trình bày ý kiến và yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn là ông Nguyễn Hữu N (sau đây gọi tắt là ông N) trình bày:*

+ Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Hữu N đồng ý với yêu cầu của bà Phạm Thị H về việc yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà Phạm Thị H.

+ Về con chung: có một người con chung là Nguyễn Hoàng N1, sinh ngày: 30/12/1996, đã trưởng thành, có khả năng lao động để nuôi sống bản thân. Ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết gì về con chung.

+ Về tài sản: Không có.

+ Về nợ: Không có.

Ông N yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải và yêu cầu cho ông được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án cho đến khi vụ án được giải quyết xong.

- *Tại phiên tòa sơ thẩm:* Bà H và ông N đều có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên không có lời trình bày của các đương sự này tại phiên tòa.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Phạm Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc: *"Không công nhận quan hệ vợ chồng"* với ông Nguyễn Hữu N, đây là loại tranh chấp được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Hữu N đều có địa chỉ tại xã V, tỉnh Vĩnh Long nên Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại các điều 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Xét yêu cầu của bà Phạm Thị H về việc yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng đối với ông Nguyễn Hữu N Hội đồng xét xử thấy rằng, mặc dù bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Hữu N tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1994, nhưng cho đến nay vẫn không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do vậy hôn nhân của ông bà là không có giá trị pháp lý, không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Đối với yêu cầu của bà Phạm Thị H, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 3 Nghị quyết số:

35/2000/QH10; Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Hữu Nghĩa L phù hợp.

[3] Về nuôi con chung: Bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Hữu N có một người con chung là Nguyễn Hoàng N1, sinh ngày: 30/12/1996 (đã trưởng thành). Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bà H và ông N đều không yêu cầu Tòa án giải quyết gì liên quan đến người con này nên không xem xét.

[4] Về chia tài sản: Bà Phạm Thị H, ông Nguyễn Hữu N thống nhất xác định không có tài sản nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ: Bà Phạm Thị H, ông Nguyễn Hữu N xác định là ông, bà không có nợ của ai; đồng thời Tòa án cũng không nhận được đơn yêu cầu giải quyết về nợ có liên quan đến vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét, xử lý.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình, điểm b khoản 3 của Nghị quyết số: 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình; các điều 5, 147, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

*1/ Tuyên bố:* Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Hữu N.

*2/ Về nuôi con chung:* Bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Hữu N có một người con chung là Nguyễn Hoàng N1, sinh ngày: 30/12/1996 (đã trưởng thành, có khả năng lao động để tự nuôi sống bản thân). Bà H, ông N đều không yêu cầu Tòa án giải quyết gì liên quan đến người con này nên không xem xét giải quyết.

*3/ Về tài sản:* Bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Hữu N thống nhất xác định là ông, bà không có tài sản, không yêu cầu giải quyết về tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

*4/ Về nợ:* Bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Hữu N xác định là ông, bà không có nợ của ai; đồng thời Tòa án cũng không nhận được đơn yêu cầu giải quyết về nợ có liên quan đến vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét, xử lý.

*5/ Về án phí dân sự sơ thẩm:* Bà Phạm Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011330 ngày 05 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long; bà H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

*6/ Về quyền kháng cáo, kháng nghị đối với bản án:* Bà Phạm Thị H, ông Nguyễn Hữu N có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể

từ ngày được nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết; Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Longcó quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long nhận được bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long giải quyết lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 6 - Vĩnh Long;
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng KTNV-T.H.A TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp, Bp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(ĐÃ KÝ)**

**Nguyễn Thị Ngọc Tuyền**